

Bản án số: **76/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-7-2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2. Ông Võ Trọng Văn;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng– Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11/5/2023, về: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Số N1 DBP, khu phố N2, thị trấn DT, huyện DL, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Th, sinh 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số M1 đường số M2, thôn 8, xã M3, huyện DL, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2023, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Nguyễn Quang Th là bạn bè quen biết từ lâu. Khi vào Sài Gòn làm việc gặp nhau chung sống với nhau và chị T có thai. Do đó hai bên đăng ký kết hôn vào năm 2017, tại UBND xã Đức Tín. Sau khi cưới chị T ở Đức Linh, còn anh Th vẫn ở Sài Gòn làm việc, nhưng ít khi về thăm nhà, mỗi năm về chừng vài ba lần. Tuy nhiên anh Th ở Sài Gòn làm ăn bị nợ nần, nên khi con được 01 tuổi, chị T vào lại Sài Gòn cùng làm ăn để trả nợ cho anh Th. Khi chị T sinh con thứ hai, thì về Đức Linh sống chung với cha, mẹ chị từ đó đến nay. Còn anh Th thì ở tại xã Đức Tín, nhưng đi làm ở Sài Gòn, thường 01-02 tháng mới về thăm con. Trong cuộc sống anh Th ít quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân khoảng 4 năm nay. Nay tình cảm không còn, chị T yêu cầu ly hôn. Chị T và anh Th có 02 con chung, nhưng chị T không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung không có gì, nên chị T không tranh chấp.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quang Th không đến tham gia, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Th và cũng không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh cho thấy vợ chồng chị T, anh Th sống ly thân, không còn hạnh phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự*: Bị đơn Nguyễn Quang Th vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Nguyễn Quang Th kết hôn với nhau vào năm 2017, tại UBND xã Đức Tín. Qua trình bày của chị T và xác minh ở địa phương, thấy rằng: Mặc dù chị T và anh Th kết hôn và đã có 02 con chung, nhưng vợ chồng ít sống chung với nhau, thường mỗi người sống một nơi. Từ khi chị T sinh con thứ hai thì mẹ con chị T về sống nương nhờ với cha, mẹ chị T. Bản thân anh Th cũng ít về nhà để cùng chị T xây dựng hạnh phúc gia đình. Chính vì lẽ đó làm cho cuộc hôn nhân của hai anh, chị không còn hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Chị T và anh Th có 02 con chung, nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không cần phải xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Chị Phạm Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Quang Th.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015059 ngày 11/5/2023. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/7/2023). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thúy Nga

Võ Trọng Văn

Nguyễn Văn Thái

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái